

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-02-2026
Về việc “Ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Sỹ Đàn

Ông Ngô Đăng Ký

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Đức Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2025/HNGĐ-ST ngày 05/12/2025 về việc “Ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh ngày: 16/01/1994, nơi thường trú: Thôn X, xã N, tỉnh T, CCCD: 042194016407, hiện đang lao động tại CHLB Đ;

- Người được ủy quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn: Anh Nguyễn H, sinh ngày: 30/4/1988, địa chỉ: Số nhà E, ngõ A, đường N, tổ dân phố B, phường T, tỉnh T, CCCD: 042088001160;

- Bị đơn: Anh Trần Hoài G, sinh ngày: 25/10/1990, nơi thường trú: Thôn X, xã N, tỉnh T, CCCD: 042090011558.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai của nguyên đơn, ghi nhận ý kiến của bị đơn, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tự do tìm hiểu, trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, ngày 27/12/2013 chị Hoàng Thị T và anh Trần Hoài G đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân xã N), tỉnh Hà Tĩnh, theo Sổ đăng ký số 118/2013, quyển số 01/2013. Gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại thôn X, xã N, tỉnh Hà Tĩnh và có 02 (hai) con chung. Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, thường xuyên xảy ra cự cãi. Năm 2021, chị T, anh G ly thân và không còn liên lạc. Đến nay, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Hoài G.

Về con chung: Chị Hoàng Thị T, anh Trần Hoài G có 02 (hai) con chung là Trần Uyển L, sinh ngày: 03/4/2015 và Trần Hà M, sinh ngày: 08/9/2018. Vợ chồng thống nhất thoả thuận giao cho anh G quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản làm việc ngày 12/12/2025 và ngày 26/12/2025, anh Trần Hoài G trình bày: Thống nhất về thời gian, địa điểm kết hôn, thời điểm, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng vợ chồng hiện nay như nội dung đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị T. Anh G khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Trần Uyển L, sinh ngày: 03/4/2015 và Trần Hà M, sinh ngày: 08/9/2018. Chị T, anh G thống nhất giao hai con chung cho anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung, vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh G đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không thay đổi ý kiến.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/12/2025, Công an xã N, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận: Anh Trần Hoài G, sinh năm: 1990 và chị Hoàng Thị T, sinh năm: 1994, đều đăng ký thường trú tại thôn X, xã N, tỉnh Hà Tĩnh; chị T hiện nay không có mặt tại địa phương (đang làm việc tại CHLB Đ), anh G có mặt tại địa phương.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã N có nội dung: Anh Trần Hoài G và chị Hoàng Thị T đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân xã N), tỉnh Hà Tĩnh. Về mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân chính quyền không nắm bắt được thông tin cũng như chưa hoà giải tranh chấp hôn nhân gia đình lần nào. Vợ chồng có 02 con chung, không có thông tin về hành ngược đãi, bạo hành con chung. Về yêu cầu của nguyên đơn, Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ

việc, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Hoàng Thị T và anh Trần Hoài G. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao con chung Trần Uyển L, sinh ngày: 03/4/2015 và Trần Hà M, sinh ngày: 08/9/2018 cho anh Trần Hoài G trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tại Công văn số 1788/QLXC-Đ1 ngày 18/12/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H cung cấp thông tin: Chị Hoàng Thị T xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 18/4/2023 qua Sân bay Quốc tế N, chưa có thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã N, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện anh Trần Hoài G đăng ký thường trú tại thôn X, xã N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

[1.2] Về tổng đạt văn bản tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Hoàng Thị T hiện đang làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đ gửi Đơn khởi kiện, Bản tự khai và các tài liệu có liên quan đã được hợp pháp hoá lãnh sự (Đ tại CHLB Đ) thông qua người đại diện theo uỷ quyền; anh Trần Hoài G đến làm việc tại Toà án theo Giấy triệu tập và trình bày ý kiến liên quan đến nội dung vụ án. Do đó, Toà án thực hiện xác minh thông tin xuất cảnh của nguyên đơn, tổng đạt văn bản tố tụng để đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (nguyên đơn, bị đơn trình bày bằng văn bản đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ quy định tại khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Trần Hoài G tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 27/12/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện N (nay là Ủy ban nhân dân xã N), tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân của chị Hoàng Thị T và anh Trần Hoài G là hợp pháp.

[2.2] Xác định tình trạng hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Trần Hoài G phát sinh mâu thuẫn trong quá trình sống chung, trở nên trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2021. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống xa nhau không có thời gian hàn gắn mâu thuẫn, tình cảm dần phai nhạt, không còn sự quan tâm, chăm sóc. Anh G, chị T không mong muốn đoàn tụ và yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

[2.3] Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ... nhưng hôn nhân của chị Hoàng Thị T và anh Trần Hoài G không còn hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2.4] Tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng*”.

[2.5] Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” (khoản 1 Điều 51); “*...Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thoả thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...*” (Điều 55).

[2.6] Hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Trần Hoài G không còn. Vợ chồng sống ly thân, không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, không tranh chấp. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Hoàng Thị T và anh Trần Hoài G như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2.7] Quan hệ con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Trần Hoài G có 02 (hai) con chung là Trần Uyên L, sinh ngày: 03/4/2015 và Trần Hà M, sinh ngày: 08/9/2018. Vợ chồng thống nhất thoả thuận giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho anh Trần Hoài G. Xét thấy, sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức và quy định của pháp luật, con chung sống cùng anh G từ nhỏ, có đơn nguyện vọng được sống cùng anh G; con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, được học tập, vui chơi đầy đủ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về môi trường

sống, học tập của con chung, giao hai con chung cho anh G trực tiếp thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng pháp luật. Trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

[2.8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[2.9] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 238, 266, điểm b khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; các Điều 19, 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Hoàng Thị T, sinh ngày: 16/01/1994, nơi thường trú: Thôn X, xã N, tỉnh Hà Tĩnh, CCCD: 042194016407, hiện đang lao động tại CHLB Đ và anh Trần Hoài G, sinh ngày: 25/10/1990, nơi thường trú: Thôn X, xã N, tỉnh Hà Tĩnh, CCCD: 042090011558.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao con chung Trần Uyên L, sinh ngày: 03/4/2015 và Trần Hà M, sinh ngày: 08/9/2018 cho anh Trần Hoài G trực tiếp thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

Chị Hoàng Thị T có quyền đi lại thăm non con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Hoàng Thị T phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0000763

ngày 04/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, được hoàn trả số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV3- Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hà Tĩnh;
- UBND xã Nghi Xuân;
- Công an xã Nghi Xuân;
- Đường sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nữ Ngọc Diệp